Freier Dativ – Gián cách tự do

Khi một danh từ hay đại từ đứng ở **Dativ**/gián-cách thì ta có thể xác định là trong câu phải có một động từ hay một tính từ đòi Dativobjekt (cần thiết và bắt buộc không được thiếu): ví dụ

động từ: ● ich danke dir. (gehören, gefallen, schaden, begegnen, fehlen, dienen, gratulieren…..)
tính từ: ● er ist mir böse. (bekannt, klar, fremd, neu, möglich….)

Nhưng đặc biệt ở Dativ lại một nhóm ngoại lệ, thường được gọi là nhóm Dativ tự-do vì chúng không bị chi phối bởi vị-ngữ/động-từ, đôi lúc chúng **có thể bỏ được** mà câu vẫn có nghĩa.

Gián cách sở hữu: làm cho ai việc gì (**Pertinenzdativ** oder **Possessivdativ**)

- Die Mutter putzt dem Kind die Nase (= die Nase des Kindes). (Bà mẹ chùi mũi cho con (= mũi của bé)
- Sie wäscht ihm die Hände (bà rửa tay cho nó (=tay của nó)
- Mir zittern die Hände. (meine Hände zittern/tay tôi run lên)
- Er klopft seinem Freund auf die Schulter (auf die Schulter des Freundes). (anh ta vỗ vai bạn anh ta)
- Karl wusch seiner Schwester das Auto (Karl chùi xe cho chị nó)
- Ihm juckt der Kopf (đầu nó ngứa)
- Peter trat ihr auf den Fuß. (Peter đạp lên chân cô ấy)
- Ihm hing das Hemd aus der Hose. (áo anh ta lòi ra khỏi quần)
- Ihm klopft das Herz. (tim nó đập thình thịch)
- Er lacht mir ins Gesicht. (nó cười thẳng vào mặt tôi)

Dativ diễn đạt cái lợi cho ai: (**Dativus Commodi**)

- Der Junge trägt dem Gast den Koffer zum Taxi (= für den Gast). ü (Cậu bé vác vali cho khách tới taxi (khách được lợi)
- Er gießt den Nachbarn während der Ferien die Pflanzen.(ông ấy tưới cây dùm láng giềng khi họ đi nghỉ mát)
- Sie schreibt mir seine Adresse auf. (cô ta ghi giùm tôi địa chỉ của anh ta)

Dativ diễn đạt cái hại cho ai: (**Dativus Incommodi**)

- Er hat seiner Mutter die teure Vase zerbrochen. (Bé đã làm bể bình bông mắc tiền của mẹ (mẹ bị hại tốn của)
- Er trat mir in den Hintern. (anh ta đạp vào đít tôi)
- Ihm ist etwas auf den Fuß gefallen. (cái gì đó rớt lên chân anh ta)
- Peter wischt Diana einen Stuhl sauber. (Peter chùi sạch ghế cho Diana)
- Das Kind ist ihm krank geworden. (con anh ta bị bịnh)
- Der Schlüssel ist mir ins Wasser gefallen. (chìa khóa của tôi bị rớt xuống nước)

Dativ chỉ sự bộc lộ về cảm xúc, lo lắng, dạy bảo (**Dativus ethicus**)

(chỉ sử dụng giữa ngôi nhất và ngôi hai, và ở đây chúng ta chỉ được dùng **đại từ** mà thôi):

- Komm mir bitte nicht zu spät! (đừng có về trễ quá nghe con)
- Das war mir eine tolle Vorstellung! (mày đóng phim hay quá há)
- Macht uns bitte keinen Unsinn! (đừng làm chuyên tầm phào nhé các con)
- Macht mir dem Lehrer keinen Ärger! (không được làm phiền thầy giáo đấy nhé các con)
- Bringt mir dem Lehrer die Hefte pünktlich! (các con hãy đem tập cho thầy thật đúng giờ đấy)
- Fall mir nicht hin, Kind! (xem chừng kẻo té nghe con)
- Du bist mir ein Schwindler. (mầy đúng là một thằng lừa lọc mà)
- Pflegt mir den Paul gut. (hãy lo cho Paul thật kỹ giùm mình đó nhe)
- Du bist mir spätestens um 8 Uhr wieder zu Hause. (trễ nhất là tám giờ phải về nghe con)
- Du bist mir Einer! (thật tao không hiểu được mầy)
- War der dir betrunken! (nó có say quá không vậy hỡ)
- Dass du mir nicht gleich Fleckenauf das Hemd machst! (đừng có mà dơ áo đó nhe con)

Dativ do sự đánh giá (theo tôi thì…) (**Dativus Iudicantis**)

- Er fährt mir viel zu schnell. (Theo tôi thì anh ta lái xe quá nhanh)
- Du warst dem Richter wohl zu frech. (chắc là cậu quá hỗn với ông tòa rồi chứ gì)
- Ihm war die Treppe zu steil (zum Hochsteigen). (cầu thang quá nghiên đối với ông ta)
- Die Hose ist ihm zu eng. (quần quá chật đối với anh ta)
- Der Jogurt ist uns allzu süß. (sữa chua quá ngọt đối với chúng tôi)
- Die Arbeit lief ihr zu glatt. (việc làm quá trôi chảy đối với bà ta)
- Er aß ihr schnell genug. (anh ta ăn cũng khá mau đối với cô ta)